

BẢNG KÊ TRẠNG THIẾT BỊ Y TẾ KẸP CÀM MÁU VÀ MẠCH MÁU

STT	TÊN TRẠNG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1	MICRO-CLIP 10 x 2 mm 60 gr.	Cái	15.0001		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
2	MICRO-CLIP 10 x 2 mm straight TITANIUM	Cái	15.0001T		Cái/ Gói				
3	MICRO-CLIP 8 x 2 mm 85 gr.	Cái	15.0002		Cái/ Gói				
4	MICRO-CLIP 8 x 2 mm straight TITANIUM	Cái	15.0002T		Cái/ Gói				
5	MICRO-CLIP 6 x 1 mm 100 gr	Cái	15.0003		Cái/ Gói				
6	MICRO-CLIP 6 x 1 mm straight TITANIUM	Cái	15.0003T		Cái/ Gói				
7	MICRO-CLIP 4 x 0,75 mm 125 gr	Cái	15.0004		Cái/ Gói				
8	MICRO-CLIP 4 x 0,75 mm TITANIUM	Cái	15.0004T		Cái/ Gói				
9	MICRO-CLIP 6 x 1 mm ang. 45°	Cái	15.0005		Cái/ Gói				
10	MICRO-Clip 6 x 1 mm str. cvd.	Cái	15.0006		Cái/ Gói				
11	APPLYING Forceps for Micro-Clips	Cái	15.0008		Cái/ Gói				
12	DIEFFENBACH Bulldog Clip 35 mm str	Cái	15.0010		Cái/ Gói				
13	DIEFFENBACH Bulldog Clip 35 mm cvd	Cái	15.0011		Cái/ Gói				
14	DIEFFENBACH Bulldog Clip 5 cm str	Cái	15.0012		Cái/ Gói				
15	DIEFFENBACH Bulldog Clip 5 cm cvd	Cái	15.0013		Cái/ Gói				
16	DIEFFENBACH Bulldog Clip 6 cm str	Cái	15.0014		Cái/ Gói				
17	DIEFFENBACH Bulldog Clip 6 cm cvd	Cái	15.0015		Cái/ Gói				
18	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 38 mm str	Cái	15.0020		Cái/ Gói				
19	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 38 mm cvd	Cái	15.0021		Cái/ Gói				
20	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 50 mm str	Cái	15.0022		Cái/ Gói				
21	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 50 mm cvd	Cái	15.0023		Cái/ Gói				
22	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 57 mm str	Cái	15.0024		Cái/ Gói				
23	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 57 mm cvd	Cái	15.0025		Cái/ Gói				
24	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 63 mm str	Cái	15.0026		Cái/ Gói				
25	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 63 mm cvd	Cái	15.0027		Cái/ Gói				
26	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 70 mm str	Cái	15.0028		Cái/ Gói				
27	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 70 mm cvd	Cái	15.0029		Cái/ Gói				
28	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 76 mm str	Cái	15.0030		Cái/ Gói				
29	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 76 mm cvd	Cái	15.0031		Cái/ Gói				
30	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 90 mm str	Cái	15.0032		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
31	JOHN-HOPKINS Bulldog Clip 90 mm cvd	Cái	15.0033		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
32	JOHN-HOPKINS Applying Forceps 23 cm	Cái	15.0040		Cái/ Gói				
33	SCHWARTZ Bulldog Clip 2,5 cm str	Cái	15.0050		Cái/ Gói				
34	SCHWARTZ Bulldog Clip 2,5 cm 25°	Cái	15.0051		Cái/ Gói				
35	SCHWARTZ Bulldog Clip 2,5 cm 45°	Cái	15.0053		Cái/ Gói				
36	SCHWARTZ Applying Forceps 19 cm	Cái	15.0058		Cái/ Gói				
37	MINI-Bulldog Clip 28 mm str.	Cái	15.0060		Cái/ Gói				
38	MINI-Bulldog Clip 28 mm cvd	Cái	15.0061		Cái/ Gói				
39	CARREL hem. Forceps 8,5 cm str.	Cái	15.0098		Cái/ Gói				
40	HARTMANN Forceps 10 cm str.	Cái	15.0100		Cái/ Gói				
41	HARTMANN Forceps 10 cm cvd.	Cái	15.0101		Cái/ Gói				
42	HARTMANN-MIRCO Forceps 10 cm str.	Cái	15.0102		Cái/ Gói				
43	HARTMANN-MICRO Forceps 10 cm cvd.	Cái	15.0103		Cái/ Gói				
44	HARTMANN Forceps 10 cm str. 1x2 (TERRIER)	Cái	15.0104		Cái/ Gói				
45	HARTMANN Forceps 10 cm cvd. 1x2	Cái	15.0105		Cái/ Gói				
46	HARTMANN Lig.-Forceps 10 cm str. smooth	Cái	15.0108		Cái/ Gói				
47	JACOBSON-MICRO X-fine Feps. 12,5 cm str. SMOOTH EXTRA DELICATE	Cái	15.0112		Cái/ Gói				
48	JACOBSON-MICRO X-fine Feps. 12,5 cm cur. SMOOTH EXTRA DELICATE	Cái	15.0113		Cái/ Gói				
49	JACOBSON-MICRO X-fine Feps. 12,5 cmstr.	Cái	15.0114		Cái/ Gói				
50	JACOBSON-MICRO X-fine Feps. 12,5cm cvd.	Cái	15.0115		Cái/ Gói				
51	JACOBSON-MICRO Feps. 12,5 cmstr.	Cái	15.0116		Cái/ Gói				
52	JACOBSON-MICRO Feps. 12,5 cm cvd.	Cái	15.0117		Cái/ Gói				
53	MOSQUITO Forceps 12,5 cm str.	Cái	15.0120		Cái/ Gói				
54	MOSQUITO Forceps str. LEFT HAND	Cái	15.0120L		Cái/ Gói				
55	MOSQUITO Forceps 12,5 cm cvd.	Cái	15.0121		Cái/ Gói				
56	MOSQUITO Forceps cvd. LEFT HAND	Cái	15.0121L		Cái/ Gói				
57	MICRO-MOSQUITO Forceps 12,5 cm str	Cái	15.0122		Cái/ Gói				
58	MICRO-MOSQUITO Forceps 12,5 cm cv	Cái	15.0123		Cái/ Gói				
59	MOSQUITO Forceps 14 cm str.	Cái	15.0124		Cái/ Gói				
60	MOSQUITO Forceps 14 cm cvd.	Cái	15.0125		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
61	MOSQUITO Forceps 12,5 cm 1x2 str	Cái	15.0126		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
62	MOSQUITO Forceps 12,5 cm 1x2 cvd	Cái	15.0127		Cái/ Gói				
63	MICRO-MOSQUITO Forceps 1x2 str.	Cái	15.0128		Cái/ Gói				
64	MICRO-MOSQUITO Forceps 1x2 cvd.	Cái	15.0129		Cái/ Gói				
65	PROVID.-HOSP. Forceps 14,5 cm str.	Cái	15.0130		Cái/ Gói				
66	PROVID.-HOSP. Forceps 14,5 cm cvd.	Cái	15.0131		Cái/ Gói				
67	MOSQUITO-FINO Forceps 15,2 cm str	Cái	15.0132		Cái/ Gói				
68	MOSQUITO-FINO Forceps 15 cm cvd fine tips	Cái	15.0133		Cái/ Gói				
69	MOSQUITO Forceps 14 cm 1x2 str.	Cái	15.0136		Cái/ Gói				
70	MOSQUITO Forceps 14 cm 1x2 cvd.	Cái	15.0137		Cái/ Gói				
71	MOSQUITO Forceps 12,5 cm cvd. cross-serr	Cái	15.0139		Cái/ Gói				
72	MICRO-MOSQUITO Forceps 12,5 cm str	Cái	15.0144		Cái/ Gói				
73	MICRO-MOSQUITO Forceps 14,5 cm cvd delicat	Cái	15.0145		Cái/ Gói				
74	DUNHILL Forceps 12,5 cm str.	Cái	15.0180		Cái/ Gói				
75	DUNHILL Forceps 12,5 cm cvd.	Cái	15.0181		Cái/ Gói				
76	KELLY Hemost. Forceps 14 cm str	Cái	15.0200		Cái/ Gói				
77	KELLY Hemost. Forceps 14 cm cvd.	Cái	15.0201		Cái/ Gói				
78	CRILE Hemost. Forceps 14 cm str.	Cái	15.0210		Cái/ Gói				
79	CRILE Hemost. Forceps 14 cm str. TITAN	Cái	15.0210T		Cái/ Gói				
80	CRILE Hemost. Forceps 14 cm cvd	Cái	15.0211		Cái/ Gói				
81	CRILE Hemost. Forceps 14 cm cvd TITAN	Cái	15.0211T		Cái/ Gói				
82	CRILE-BABY Forceps 14 cm str.	Cái	15.0212		Cái/ Gói				
83	CRILE-BABY Forceps 14 cm cvd.	Cái	15.0213		Cái/ Gói				
84	CRILE Hemost. Forceps 14 cm str. 1x2	Cái	15.0214		Cái/ Gói				
85	CRILE Hemost. Forceps 14 cm cvd. 1x2	Cái	15.0215		Cái/ Gói				
86	DANDY-MOSQUITO Hemost. Forceps 12 cm LATERAL CURVED	Cái	15.0218		Cái/ Gói				
87	DANDY Hemost. Forceps 14,5 cm LATERAL CURVED	Cái	15.0220		Cái/ Gói				
88	DANDY Hemost. Forceps 14,5 cm 1x2 LATERAL CURVED	Cái	15.0222		Cái/ Gói				
89	LOVELACE Hemost. Forceps 15,5 cm	Cái	15.0224		Cái/ Gói				
90	LOVELACE Hemost. Forceps 15,5 cm 1x2	Cái	15.0225		Cái/ Gói				
91	LERICHE Hemost. Forceps 15 cm str.	Cái	15.0230		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
92	LERICHE Hemost. Forceps 15 cm cvd.	Cái	15.0231		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
93	LERICHE Hemost. Forceps 15 cm 1x2 str.	Cái	15.0236		Cái/ Gói				
94	LERICHE Hemost. Forceps 15 cm 1x2 cvd.	Cái	15.0237		Cái/ Gói				
95	RANKIN-KELLY Hemost. Forceps 16 cm str	Cái	15.0240		Cái/ Gói				
96	RANKIN-KELLY Hemost. Forceps 16 cm cvd.	Cái	15.0241		Cái/ Gói				
97	RANKIN-CRILE Hemost. Forceps 16 cm str.	Cái	15.0250		Cái/ Gói				
98	RANKIN-CRILE Hemost. Forceps 16 cm cvd.	Cái	15.0251		Cái/ Gói				
99	RANKIN-CRILE Hemost. Forceps 16 cm 1x2 (Ochsner-Dixon)	Cái	15.0252		Cái/ Gói				
100	RANKIN-CRILE Hemost. Forceps 16 cm 1x2 (Ochsner-Dixon)	Cái	15.0253		Cái/ Gói				
101	COLLER-CRILE Hemost. Forceps 14 cm str.	Cái	15.0260		Cái/ Gói				
102	COLLER-CRILE Hemost. Forceps 14 cm cvd.	Cái	15.0261		Cái/ Gói				
103	COLLER-CRILE Hemost. Forceps 16 cm str.	Cái	15.0262		Cái/ Gói				
104	COLLER-CRILE Hemost. Forceps 16 cm cvd.	Cái	15.0263		Cái/ Gói				
105	DEBAKEY-COLLIER Hemost. Forceps 36 cm cv	Cái	15.0269		Cái/ Gói				
106	HALSTED Hemost. Forceps 18 cm str.	Cái	15.0300		Cái/ Gói				
107	HALSTED Hemost. Forceps 18 cm cvd.	Cái	15.0301		Cái/ Gói				
108	HALSTED Hemost. Forceps 21 cm str.	Cái	15.0302		Cái/ Gói				
109	HALSTED Hemost. Forceps 21 cm cvd.	Cái	15.0303		Cái/ Gói				
110	Select-HALSTED Hemost. Forceps 21 cm cvd delicate	Cái	15.0303 SELECT		Cái/ Gói				
111	Select-HALSTED Hemost. Forceps 23 cm cvd delicate	Cái	15.0303.23 SELECT		Cái/ Gói				
112	HALSTED Hemost. Forceps 18 cm 1x2 str	Cái	15.0306		Cái/ Gói				
113	HALSTED Hemost. Forceps 18 cm 1x2 cvd	Cái	15.0307		Cái/ Gói				
114	HALSTED Hemost. Forceps 21 cm 1x2 str	Cái	15.0308		Cái/ Gói				
115	HALSTED Hemost. Forceps 21 cm 1x2 cvd	Cái	15.0309		Cái/ Gói				
116	ADSON Hemost. Forceps 18,5 cm str	Cái	15.0310		Cái/ Gói				
117	ADSON Hemost. Forceps 18,5 cm cvd	Cái	15.0311		Cái/ Gói				
118	ADSON-BABY Forceps 14 cm	Cái	15.0313		Cái/ Gói				
119	ADSON-BABY Forceps 18 cm	Cái	15.0315		Cái/ Gói				
120	ADSON Hemost. Forceps 18,5 cm 1x2 str	Cái	15.0316		Cái/ Gói				
121	ADSON Hemost. Forceps 18,5 cm 1x2 cvd	Cái	15.0317		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
122	HEISS Hemost. Forceps 20 cm str	Cái	15.0320		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
123	HEISS Hemost. Forceps 20 cm sl. cvd.	Cái	15.0321		Cái/ Gói				
124	HEISS Hemost. Forceps 20 cm sl. cvd. fine pattern	Cái	15.0321 SELECT		Cái/ Gói				
125	HEISS Hemost. Forceps 20 cm str.cvd.	Cái	15.0323		Cái/ Gói				
126	HEISS Hemost. Forceps 20 cm str. 1x2	Cái	15.0324		Cái/ Gói				
127	HEISS Hemost. Forceps 20 cm cvd. 1x2	Cái	15.0325		Cái/ Gói				
128	FUCHSIG Hemost. Forceps 18,5 cm cvd	Cái	15.0331		Cái/ Gói				
129	NISSEN Hemost. Forceps 19 cm cvd	Cái	15.0335		Cái/ Gói				
130	BENGOLEA Hemost. Forceps 24 cm 1x2 str.	Cái	15.0356		Cái/ Gói				
131	BENGOLEA Hemost. Forceps 24 cm 1x2 cvd	Cái	15.0357		Cái/ Gói				
132	BENGOLEA Hemost. Forceps 24 cm str.	Cái	15.0358		Cái/ Gói				
133	BENGOLEA Hemost. Forceps 24 cm cvd.	Cái	15.0359		Cái/ Gói				
134	BENGOLEA Hemost. Forceps 20 cm str.	Cái	15.0360		Cái/ Gói				
135	BENGOLEA Hemost. Forceps 20 cm cvd	Cái	15.0361		Cái/ Gói				
136	BENGOLEA Hemost. Forceps 26 cm str	Cái	15.0362		Cái/ Gói				
137	BENGOLEA Hemost. Forceps 26 cm cvd	Cái	15.0363		Cái/ Gói				
138	BENGOLEA Hemost. Forceps 20 cm 1x2 str	Cái	15.0364		Cái/ Gói				
139	BENGOLEA Hemost. Forceps 20 cm 1x2 cvd	Cái	15.0365		Cái/ Gói				
140	BENGOLEA Hemost. Forceps 26 cm 1x2 str	Cái	15.0366		Cái/ Gói				
141	BENGOLEA Hemost. Forceps 26 cm 1x2 cvd	Cái	15.0367		Cái/ Gói				
142	BRIDGE Hemost. Forceps 18 cm str	Cái	15.0390		Cái/ Gói				
143	BRIDGE Hemost. Forceps 18 cm cvd	Cái	15.0391		Cái/ Gói				
144	BRIDGE Hemost. Forceps 28 cm str	Cái	15.0392		Cái/ Gói				
145	BRIDGE Hemost. Forceps 28 cm cvd	Cái	15.0393		Cái/ Gói				
146	KROENLEIN Hemost. Forceps 12,5 cm	Cái	15.0402		Cái/ Gói				
147	PEAN Hemostatic Forceps 12,5 cm	Cái	15.0404		Cái/ Gói				
148	PEAN Hemost. Forceps 14,5 cm	Cái	15.0406		Cái/ Gói				
149	PEAN Hemostatic Forceps 16 cm	Cái	15.0408		Cái/ Gói				
150	SPENCER-WELLS Hemost. Forceps 13 cm str	Cái	15.0410		Cái/ Gói				
151	SPENCER-WELLS Hemost. Forceps 13 cm cvd	Cái	15.0411		Cái/ Gói				
152	SPENCER-WELLS Hemost. Forceps 14 cm str	Cái	15.0412		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
153	SPENCER-WELLS Hemost. Forceps 14 cm cvd	Cái	15.0413		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
154	SPENCER-WELLS Hemost. Forceps 15 cm str	Cái	15.0414		Cái/ Gói				
155	SPENCER-WELLS Hemost. Forceps 15 cm cvd	Cái	15.0415		Cái/ Gói				
156	SPENCER-WELLS Hemost. Forceps 18 cm str	Cái	15.0416		Cái/ Gói				
157	SPENCER-WELLS Hemost. Forceps 18 cm cvd	Cái	15.0417		Cái/ Gói				
158	SPENCER-WELLS Hemost. Forceps 20 cm str	Cái	15.0418		Cái/ Gói				
159	SPENCER-WELLS Hemost. Forceps 20 cm cvd	Cái	15.0419		Cái/ Gói				
160	SPENCER-WELLS Hemost. Forceps 23 cm str	Cái	15.0420		Cái/ Gói				
161	SPENCER-WELLS Hemost. Forceps 23 cm cvd	Cái	15.0421		Cái/ Gói				
162	ROCHESTER-CARMALT Hem. Forceps 16 cm str	Cái	15.0430		Cái/ Gói				
163	ROCHESTER-CARMALT Hem. Forceps 16 cm cvd	Cái	15.0431		Cái/ Gói				
164	ROCHESTER-CARMALT Hem. Forceps 20 cm str	Cái	15.0432		Cái/ Gói				
165	ROCHESTER-CARMALT Hem. Forceps 20 cm cvd	Cái	15.0433		Cái/ Gói				
166	PEAN-FINO Hemost. Forceps 13 cm str.	Cái	15.0450		Cái/ Gói				
167	PEAN-FINO Hemost. Forceps 13 cm cvd.	Cái	15.0451		Cái/ Gói				
168	PEAN-FINO Hemost. Forceps 14 cm str.		15.0452		Cái/ Gói				
169	PEAN-FINO Hemost. Forceps 14 cm cvd.	Cái	15.0453		Cái/ Gói				
170	PEAN-FINO Hemost. Forceps 16 cm str.	Cái	15.0454		Cái/ Gói				
171	PEAN-FINO Hemost. Forceps 16 cm cvd.	Cái	15.0455		Cái/ Gói				
172	PEAN-NIPPON Hemost. Forceps 18 cm str.	Cái	15.0456		Cái/ Gói				
173	PEAN-NIPPON Hemost. Forceps 18 cm cvd.	Cái	15.0457		Cái/ Gói				
174	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 13 cm str	Cái	15.0458		Cái/ Gói				
175	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 13 cm cvd	Cái	15.0459		Cái/ Gói				
176	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 14 cm str	Cái	15.0460		Cái/ Gói				
177	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 14 cm cvd	Cái	15.0461		Cái/ Gói				
178	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 16 cm str	Cái	15.0462		Cái/ Gói				
179	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 16 cm cvd	Cái	15.0463		Cái/ Gói				
180	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 18 cm str	Cái	15.0464		Cái/ Gói				
181	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 18 cm cvd	Cái	15.0465		Cái/ Gói				
182	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 20 cm str	Cái	15.0466		Cái/ Gói				
183	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 20 cm cvd	Cái	15.0467		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
184	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 22 cm str	Cái	15.0468		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
185	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 22 cm cvd	Cái	15.0469		Cái/ Gói				
186	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 24 cm str	Cái	15.0470		Cái/ Gói				
187	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 24 cm cvd	Cái	15.0471		Cái/ Gói				
188	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 26 cm str	Cái	15.0472		Cái/ Gói				
189	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 26 cm cvd		15.0473		Cái/ Gói				
190	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 30 cm str	Cái	15.0476		Cái/ Gói				
191	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 30 cm cvd	Cái	15.0477		Cái/ Gói				
192	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 36 cm str for Bariatric Surgery	Cái	15.0478		Cái/ Gói				
193	ROCHESTER-PEAN Hem. Fcps. 36 cm cvd for Bariatric Surgery	Cái	15.0479		Cái/ Gói				
194	ROBERTS Hemost. Forceps 22 cm str.	Cái	15.0480		Cái/ Gói				
195	ROBERTS Hemost. Forceps 22 cm cvd.	Cái	15.0481		Cái/ Gói				
196	OLVECRONA Hemost. Forceps 18 cm str. (Crafoord)	Cái	15.0482		Cái/ Gói				
197	OLVECRONA Hemost. Forceps 20 cm str. (Crafoord)	Cái	15.0484		Cái/ Gói				
198	OLVECRONA Hemost. Forceps 24 cm str. (Crafoord)	Cái	15.0486		Cái/ Gói				
199	CRAFOORD Hemost. Forceps 18 cm cvd.	Cái	15.0492		Cái/ Gói				
200	CRAFOORD Hemost. Forceps 20 cm cvd.	Cái	15.0493		Cái/ Gói				
201	CRAFOORD Hemost. Forceps 24 cm cvd.	Cái	15.0494		Cái/ Gói				
202	CRAFOORD-SELLORS Clamp 22 cm strong cvd	Cái	15.0495		Cái/ Gói				
203	CRAFOORD-SELLORS Clamp 24 cm medium cvd	Cái	15.0496		Cái/ Gói				
204	CRAFOORD-SELLORS Clamp 24 cm .slight cvd	Cái	15.0497		Cái/ Gói				
205	CRAFOORD-SELLORS Clamp 36 cm .slight cvd for Bariatric Surgery	Cái	15.0499		Cái/ Gói				
206	SAROT Hemost. Forceps 24 cm str.	Cái	15.0500		Cái/ Gói				
207	SAROT Hemost. Forceps 24 cm cvd.	Cái	15.0501		Cái/ Gói				
208	SAROT Hemost. Forceps 36 cm cvd. for Bariatric Surgery	Cái	15.0503		Cái/ Gói				
209	ZENKER Hemost. Forceps 29,5 cm l.cvd.	Cái	15.0521		Cái/ Gói				
210	ZENKER Hemost. Forceps 29,5 cm s.cvd.	Cái	15.0523		Cái/ Gói				
211	BAILEY Hemost. Fcps. 18 cm 30° EXTRA DELICATE	Cái	15.0525		Cái/ Gói				
212	BAILEY Hemost. Fcps. 18 cm 60° EXTRA DELICATE	Cái	15.0527		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
213	BAILEY Hemost. Fcps. 18 cm 90° EXTRA DELICATE	Cái	15.0529		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thanh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
214	KELLY Hemost. Forceps 19 cm Fig. 1 (Fraser-Kelly)	Cái	15.0531		Cái/ Gói				
215	KELLY Hemost. Forceps 22 cm Fig. 1	Cái	15.0532		Cái/ Gói				
216	KELLY Hemost. Forceps 24 cm Fig. 1	Cái	15.0533		Cái/ Gói				
217	KELLY Hemost. Forceps 19 cm Fig. 2	Cái	15.0534		Cái/ Gói				
218	KELLY Hemost. Forceps 22 cm Fig. 2	Cái	15.0535		Cái/ Gói				
219	KELLY Hemost. Forceps 24 cm Fig. 2	Cái	15.0536		Cái/ Gói				
220	KELLY Hemost. Forceps 19 cm Fig. 3	Cái	15.0537		Cái/ Gói				
221	KELLY Hemost. Forceps 22 cm Fig. 3	Cái	15.0538		Cái/ Gói				
222	KELLY Hemost. Forceps 24 cm Fig. 3	Cái	15.0539		Cái/ Gói				
223	TOENNIS Hemost. Forceps 21 cm str.	Cái	15.0540		Cái/ Gói				
224	TOENNIS Hemost. Forceps 21 cm cvd.	Cái	15.0541		Cái/ Gói				
225	TOENNIS Hemost. Forceps 26 cm str.	Cái	15.0542		Cái/ Gói				
226	TOENNIS Hemost. Forceps 26 cm cvd.	Cái	15.0543		Cái/ Gói				
227	TOENNIS Hemost. Forceps 21 cm str. 1x2	Cái	15.0546		Cái/ Gói				
228	TOENNIS Hemost. Forceps 21 cm cvd. 1x2	Cái	15.0547		Cái/ Gói				
229	TOENNIS Hemost. Forceps 26 cm str. 1x2	Cái	15.0548		Cái/ Gói				
230	TOENNIS Hemost. Forceps 26 cm cvd. 1x2	Cái	15.0549		Cái/ Gói				
231	KOCHER Hemost. Forceps 13 cm 1x2 str	Cái	15.0600		Cái/ Gói				
232	KOCHER Hemost. Forceps 13 cm 1x2 cvd	Cái	15.0601		Cái/ Gói				
233	KOCHER Hemost. Forceps 14,5 cm str.1x2	Cái	15.0602		Cái/ Gói				
234	KOCHER Hemost. Forceps 14,5 cm cvd.1x2	Cái	15.0603		Cái/ Gói				
235	KOCHER Hemost. Forceps 16,0 cm str.1x2 (OCHSNER-DIXON)	Cái	15.0604		Cái/ Gói				
236	KOCHER Hemost. Forceps 16,0 cm cvd.1x2 (OCHSNER-DIXON)	Cái	15.0605		Cái/ Gói				
237	KOCHER-FINO Forceps 14 cm str. 1x2	Cái	15.0606		Cái/ Gói				
238	KOCHER-FINO Forceps 14 cm cvd. 1x2	Cái	15.0607		Cái/ Gói				
239	KOCHER-FINO Forceps 16 cm str. 1x2	Cái	15.0608		Cái/ Gói				
240	KOCHER-FINO Forceps 16 cm cvd. 1x2	Cái	15.0609		Cái/ Gói				
241	KOCHER-NIPPON Hemost. Forceps 14,5 cm st 1x2	Cái	15.0614		Cái/ Gói				
242	KOCHER-NIPPON Hemost. Forceps 14,5 cm cv 1x2	Cái	15.0615		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
243	KOCHER-NIPPON Hemost. Forceps 16,5 cm st 1x2	Cái	15.0616		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thanh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
244	KOCHER-NIPPON Hemost. Forceps 16 cm cvd 1x2	Cái	15.0617		Cái/ Gói				
245	KOCHER-NIPPON Hemost. Forceps 18,5 cm st 1x2	Cái	15.0618		Cái/ Gói				
246	KOCHER-NIPPON Hemost. Forceps 18 cm cvd 1x2	Cái	15.0619		Cái/ Gói				
247	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 16 cm str 1x2	Cái	15.0620		Cái/ Gói				
248	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 16 cm cvd 1x2	Cái	15.0621		Cái/ Gói				
249	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 18 cm str 1x2	Cái	15.0622		Cái/ Gói				
250	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 18 cm cvd 1x2	Cái	15.0623		Cái/ Gói				
251	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 20 cm str 1x2	Cái	15.0624		Cái/ Gói				
252	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 20 cm cvd 1x2	Cái	15.0625		Cái/ Gói				
253	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 22 cm str 1x2	Cái	15.0626		Cái/ Gói				
254	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 22 cm cvd 1x2	Cái	15.0627		Cái/ Gói				
255	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 24 cm str 1x2	Cái	15.0628		Cái/ Gói				
256	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 24 cm cvd 1x2	Cái	15.0629		Cái/ Gói				
257	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 26 cm str 1x2	Cái	15.0630		Cái/ Gói				
258	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 26 cm cvd 1x2	Cái	15.0631		Cái/ Gói				
259	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 30 cm str 1x2	Cái	15.0632		Cái/ Gói				
260	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 30 cm cvd 1x2	Cái	15.0633		Cái/ Gói				
261	ROCH.-OCHSNER Hem. Fcps. 36 cm str 1x2 for Bariatric Surgery	Cái	15.0634		Cái/ Gói				
262	MIXTER-O'SHAUGHNESSY Fcps. 15 cm	Cái	15.0701		Cái/ Gói				
263	MIXTER-O'SHAUGHNESSY Fcps. 19 cm	Cái	15.0703		Cái/ Gói				
264	OVERHOLT Dissect. Forceps 18,5 cm S-cvd.	Cái	15.0705		Cái/ Gói				
265	OVERHOLT Dissect. Forceps 20,5 cm S-cvd.	Cái	15.0706		Cái/ Gói				
266	OVERHOLT Dissect. Forceps 21,5 cm S-cvd.	Cái	15.0707		Cái/ Gói				
267	OVERHOLT Dissect. Forceps 22 cm S-cvd.	Cái	15.0708		Cái/ Gói				
268	OVERHOLT Dissect. Forceps 24 cm S-cvd.	Cái	15.0709		Cái/ Gói				
269	OVERHOLT-BABY Hemost. Forceps 14 cm	Cái	15.0720		Cái/ Gói				
270	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 21 cm # 1	Cái	15.0721		Cái/ Gói				
271	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 21 cm # 2	Cái	15.0722		Cái/ Gói				
272	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 21 cm # 3	Cái	15.0723		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
273	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 21 cm # 4	Cái	15.0724		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
274	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 21 cm # 5	Cái	15.0725		Cái/ Gói				
275	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 21 cm # 6	Cái	15.0726		Cái/ Gói				
276	OVERHOLT-GEISSENDOERFER Fcps. 21 cm # 7	Cái	15.0727		Cái/ Gói				
277	OVERHOLT-MIXTER Hemost. Fcps. 21 cm	Cái	15.0729		Cái/ Gói				
278	RUMEL Hemost. Fcps. 23 cm # 1	Cái	15.0731		Cái/ Gói				
279	RUMEL Hemost. Fcps. 23 cm # 2	Cái	15.0732		Cái/ Gói				
280	RUMEL Hemost. Fcps. 23 cm # 3	Cái	15.0733		Cái/ Gói				
281	RUMEL Hemost. Fcps. 23 cm # 4	Cái	15.0734		Cái/ Gói				
282	KANTROWITZ Hemostat 20 cm	Cái	15.0741		Cái/ Gói				
283	KANTROWITZ Hemostat 24 cm	Cái	15.0743		Cái/ Gói				
284	KANTROWITZ Hemostat 24 cm SELECT	Cái	15.0743 SELECT		Cái/ Gói				
285	KANTROWITZ Hemostat 28 cm	Cái	15.0745		Cái/ Gói				
286	GEMINI-MINI Hemostat 18 cm	Cái	15.0762		Cái/ Gói				
287	GEMINI-MINI Hemostat 22 cm	Cái	15.0764		Cái/ Gói				
288	GEMINI-MINI Hemostat 25 cm	Cái	15.0765		Cái/ Gói				
289	GEMINI-MINI Hemostat 28 cm	Cái	15.0766		Cái/ Gói				
290	GEMINI Hemostat 13 cm	Cái	15.0770		Cái/ Gói				
291	GEMINI Hemostat 16 cm	Cái	15.0771		Cái/ Gói				
292	GEMINI Hemostat 18 cm	Cái	15.0772		Cái/ Gói				
293	GEMINI Hemostat 20 cm	Cái	15.0773		Cái/ Gói				
294	GEMINI Hemostat 23 cm	Cái	15.0774		Cái/ Gói				
295	GEMINI Hemostat 25 cm	Cái	15.0775		Cái/ Gói				
296	GEMINI Hemostat 28 cm	Cái	15.0776		Cái/ Gói				
297	GEMINI Hemostat 36 cm	Cái	15.0778		Cái/ Gói				
298	WIKSTROEM Hemostat 21 cm	Cái	15.0780		Cái/ Gói				
299	WIKSTROEM Hemostat 24 cm	Cái	15.0782		Cái/ Gói				
300	LAWRENCE Hemostat 28 cm	Cái	15.0784		Cái/ Gói				
301	MEEKER Hemostat 18 cm	Cái	15.0785		Cái/ Gói				
302	MEEKER Hemostat 18 cm SELECT	Cái	15.0785 SELECT		Cái/ Gói				
303	MEEKER Hemostat 28 cm	Cái	15.0786		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
304	MIXTER-BABY Hemost. Fcps. 14,5 cm sl. cv	Cái	15.0801		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
305	MIXTER-BABY Hemost. Fcps. 14,5 cm strong cvd.	Cái	15.0802		Cái/ Gói				
306	MIXTER-BABY Hemost. Fcps. 18 cm	Cái	15.0803		Cái/ Gói				
307	MIXTER Hemostatic Forceps 22 cm 1/2 serrated	Cái	15.0807		Cái/ Gói				
308	MIXTER Hemostatic Forceps 23 cm 1/2 serrated, large cvd.	Cái	15.0809		Cái/ Gói				
309	MIXTER Hemostatic Forceps 16 cm	Cái	15.0811		Cái/ Gói				
310	MIXTER Hemostatic Forceps 19 cm	Cái	15.0813		Cái/ Gói				
311	MIXTER Hemostatic Forceps 18,5 cm del. Tip criss-cross serrated - strong curve	Cái	15.0813 SELECT		Cái/ Gói				
312	MIXTER Hemostatic Forceps 23 cm	Cái	15.0817		Cái/ Gói				
313	MIXTER Hem.Fcps.22 cm longt.ser	Cái	15.0831		Cái/ Gói				
314	MIXTER Hem.Fcps.22cm SELECT delicate logitudinal serrations, cross serr. tips	Cái	15.0831 SELECT		Cái/ Gói				
315	MIXTER Hemost. Fcps. 25 cm longt.ser	Cái	15.0833		Cái/ Gói				
316	MIXTER Hem.Fcps.25cm SELECT delicate logitudinal serrations, cross serr. tips	Cái	15.0833 SELECT		Cái/ Gói				
317	MIXTER Hemost. Fcps. 28 cm longt.ser	Cái	15.0835		Cái/ Gói				
318	PENNINGTON Hemost.Forceps 15cm	Cái	15.1300		Cái/ Gói				
319	PENNINGTON Hemost.Forceps 20cm	Cái	15.1302		Cái/ Gói				
320	BAINBRIDGE Forceps 15,5 cm str.	Cái	15.1320		Cái/ Gói				
321	BAINBRIDGE Forceps 15,5 cm cvd.	Cái	15.1321		Cái/ Gói				
322	BAINBRIDGE Forceps 18 cm str.	Cái	15.1322		Cái/ Gói				
323	BAINBRIDGE Forceps 18 cm cvd.	Cái	15.1323		Cái/ Gói				
324	MARTEL Scalp Flap Forceps 14 cm	Cái	15.1340		Cái/ Gói				
325	WILLET Scalp Flap Forceps 19 cm	Cái	15.1342		Cái/ Gói				
326	PRATT-"T" Hemostatic Forceps 15cm	Cái	15.1350		Cái/ Gói				
327	VESSEL Dilator 11cm, 0,3 mm 10° angled	Cái	28.4900		Cái/ Gói				
328	VESSEL Dilator 18cm, 0,3 mm 10° angled	Cái	28.4900.18		Cái/ Gói				
329	Micro Vessel Dilator angled 10° 0.1 x 8.0mm jaw flat 9mm wide handle	Cái	28.4901 SELECT		Cái/ Gói				
330	Micro Vessel Dilator angled 10° 0.2 x 8.0mm jaw flat 9mm wide handle	Cái	28.4902 SELECT		Cái/ Gói				
331	Micro Vessel Dilator angled 10° 0.3 x 4.0mm jaw flat 9mm wide handle	Cái	28.4903 SELECT		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
332	Micro Vessel Cannulation Fcps. 45° ang. Ø 0.35mm Tip, flat 9mm wide handle 12 cm	Cái	28.4911.35 SELECT		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
333	Micro Vessel Cannulation Fcps. 45° ang. Ø 0.6mm Tip, flat 9mm wide handle 12 cm	Cái	28.4911.60 SELECT		Cái/ Gói				
334	Micro Vessel Cannulation Fcps. 45° ang. Ø 0.6mm Tip, flat 9mm wide handle 13,5cm	Cái	28.4913.60 SELECT		Cái/ Gói				
335	BIRKETT Hemostatic Forceps 18,5 cm str.	Cái	34.0330		Cái/ Gói				
336	BIRKETT Hemostatic Forceps 18,5 cm cvd	Cái	34.0331		Cái/ Gói				
337	SATINSKY Blood Vessel Clamp 15	Cái	40.0900		Cái/ Gói				
338	COOLEY-DERRA Clamp 17 cm # 1	Cái	40.0901		Cái/ Gói				
339	SATINSKY Blood Vessel Cl.26 #1	Cái	40.0902		Cái/ Gói				
340	SATINSKY Blood Vessel Cl.26 #2	Cái	40.0904		Cái/ Gói				
341	COOLEY-DERRA Clamp 17 cm # 2	Cái	40.0905		Cái/ Gói				
342	COOLEY-DERRA Clamp 17 cm # 3	Cái	40.0910		Cái/ Gói				
343	COOLEY Vascular Clamp 14 cm str.	Cái	40.0911		Cái/ Gói				
344	COOLEY Vascular Clamp 14 cm 30°	Cái	40.0912		Cái/ Gói				
345	COOLEY Vascular Clamp 14 cm angled	Cái	40.0913		Cái/ Gói				
346	COOLEY Vascular Clamp 14 cm spoonshaped	Cái	40.0914		Cái/ Gói				
347	COOLEY-SATINSKY Vascular Clamp 14 cm	Cái	40.0915		Cái/ Gói				
348	COOLEY Multipurpose Clamp 13,5 cm	Cái	40.0920		Cái/ Gói				
349	COOLEY Multipurpose Clamp 17 cm 30°	Cái	40.0925		Cái/ Gói				
350	COOLEY Multipurpose Clamp 15,5 cm 60°	Cái	40.0930		Cái/ Gói				
351	COOLEY Multipurpose Clamp 14,5 cm 90°	Cái	40.0935		Cái/ Gói				
352	COOLEY Anastomosis Clamp 17,5 cm large	Cái	40.0950		Cái/ Gói				
353	COOLEY Anastomosis Clamp 17,5 cm small	Cái	40.0955		Cái/ Gói				
354	COOLEY Anastomosis Clamp 17 cm small	Cái	40.0960		Cái/ Gói				
355	COOLEY Anastomosis Clamp 17 cm large	Cái	40.0965		Cái/ Gói				
356	COOLEY Anastomosis Clamp 17 cm	Cái	40.0976		Cái/ Gói				
357	COOLEY Patent Ductus Clamp 15,5 cm str	Cái	40.1000		Cái/ Gói				
358	COOLEY Patent Ductus Clamp 15,5 cm angl.	Cái	40.1005		Cái/ Gói				
359	COOLEY Coarctation Clamp 17 cm str.	Cái	40.1025		Cái/ Gói				
360	COOLEY Coarctation Clamp 17 cm angle	Cái	40.1030		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
361	COOLEY Coarctation Clamp 17 cm cvd.	Cái	40.1035		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
362	COOLEY Coarctation Clamp 17 cm spoonsh.	Cái	40.1036		Cái/ Gói				
363	COOLEY-BECK Anastomosis Clamp 15 cm smal	Cái	40.1050		Cái/ Gói				
364	COOLEY-BECK Anastomosis Clamp 15 cm larg	Cái	40.1055		Cái/ Gói				
365	COOLEY Ligature Carrier 17 cm	Cái	40.1075		Cái/ Gói				
366	COOLEY Vascular Clamp 17 cm	Cái	40.1080		Cái/ Gói				
367	COOLEY Vascular Clamp 17 cm	Cái	40.1085		Cái/ Gói				
368	COOLEY Renal Artery Clamp 18,5cm	Cái	40.1090		Cái/ Gói				
369	COOLEY Renal Artery Clamp 20 cm	Cái	40.1091		Cái/ Gói				
370	COOLEY Renal Artery Clamp 28 cm	Cái	40.1092		Cái/ Gói				
371	COOLEY Vascular Clamp 12,5 cm str	Cái	40.1150		Cái/ Gói				
372	COOLEY Vascular Clamp 13,5 cm angled shanks	Cái	40.1151		Cái/ Gói				
373	COOLEY Vascular Clamp 12,3 cm cvd	Cái	40.1152		Cái/ Gói				
374	COOLEY Vascular Clamp 13cm "S"	Cái	40.1153		Cái/ Gói				
375	COOLEY Vascular Clamp 12,5 cm 45°	Cái	40.1154		Cái/ Gói				
376	COOLEY Vascular Clamp 13cm	Cái	40.1155		Cái/ Gói				
377	COOLEY Vascular Clamp 10,5 cm 90°	Cái	40.1157		Cái/ Gói				
378	COOLEY Vascular Clamp 11,5 cm	Cái	40.1158		Cái/ Gói				
379	COOLEY Patent Ductus Clamp 19,5 cm str	Cái	40.1300		Cái/ Gói				
380	COOLEY Patent Ductus Clamp 19,5 m ang	Cái	40.1301		Cái/ Gói				
381	COOLEY Coarctation Clamp 23 cm str	Cái	40.1302		Cái/ Gói				
382	COOLEY Coarctation Clamp 23 cm ang	Cái	40.1303		Cái/ Gói				
383	COOLEY Coarctation Clamp 26 cm str	Cái	40.1304		Cái/ Gói				
384	COOLEY Coarctation Clamp 26 cm ang	Cái	40.1305		Cái/ Gói				
385	COOLEY Peripheral Vascular Clamp 16cm	Cái	40.1333		Cái/ Gói				
386	COOLEY Peripheral Vascular Clamp 17cm	Cái	40.1334		Cái/ Gói				
387	COOLEY Peripheral Vascular Clamp 18cm	Cái	40.1335		Cái/ Gói				
388	JAVID Carotid Clamp 17 cm	Cái	40.1340		Cái/ Gói				
389	JAVID Carotid Clamp 19 cm	Cái	40.1342		Cái/ Gói				
390	COOLEY Aortic Clamp 30 cm S-cvd	Cái	40.1698		Cái/ Gói				
391	COOLEY Anastomosis Forceps 17 cm	Cái	40.1729		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
392	DARDICK Multipurpose Clamp 15 cm str.	Cái	40.1750		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
393	DARDICK Multipurpose Clamp 15 cm 15°	Cái	40.1751		Cái/ Gói				
394	DARDICK Multipurpose Clamp 15 cm 30°	Cái	40.1752		Cái/ Gói				
395	DARDICK Multipurpose Clamp 14 cm 45°	Cái	40.1753		Cái/ Gói				
396	DARDICK Multipurpose Clamp 13 cm 90°	Cái	40.1754		Cái/ Gói				
397	DARDICK Multipurpose Clamp 17 cm str.	Cái	40.1760		Cái/ Gói				
398	DARDICK Multipurpose Clamp 17 cm 15°	Cái	40.1761		Cái/ Gói				
399	DARDICK Multipurpose Clamp 16 cm 30°	Cái	40.1762		Cái/ Gói				
400	DARDICK Multipurpose Clamp 15 cm 45°	Cái	40.1763		Cái/ Gói				
401	DARDICK Multipurpose Clamp 13 cm 90°	Cái	40.1764		Cái/ Gói				
402	COOLEY Multipurpose Clamp 28 cm S-cvd.	Cái	40.1765		Cái/ Gói				
403	COOLEY Multipurpose Clamp 22 cm	Cái	40.1769		Cái/ Gói				
404	COOLEY Multipurpose Clamp 27 cm	Cái	40.1770		Cái/ Gói				
405	COOLEY Anastomosis Forceps 26 cm	Cái	40.1773		Cái/ Gói				
406	COOLEY-PARRY Anastomosis Forceps 26 cm	Cái	40.1775		Cái/ Gói				
407	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A1	Cái	40.1921		Cái/ Gói				
408	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN A1	Cái	40.1921T		Cái/ Gói				
409	ULTRAFINO Clamp 12,5cm A2	Cái	40.1922		Cái/ Gói				
410	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C6	Cái	40.1966T		Cái/ Gói				
411	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C7	Cái	40.1967		Cái/ Gói				
412	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C7	Cái	40.1967T		Cái/ Gói				
413	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C8	Cái	40.1968		Cái/ Gói				
414	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C8	Cái	40.1968T		Cái/ Gói				
415	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C9	Cái	40.1969		Cái/ Gói				
416	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C9	Cái	40.1969T		Cái/ Gói				
417	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C10	Cái	40.1970		Cái/ Gói				
418	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C10	Cái	40.1970T		Cái/ Gói				
419	ULTRAFINO Clamp 12,5cm 12,5cm C11	Cái	40.1971		Cái/ Gói				
420	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C11	Cái	40.1971T		Cái/ Gói				
421	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C12	Cái	40.1972		Cái/ Gói				
422	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C12	Cái	40.1972T		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
423	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C13	Cái	40.1973		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
424	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C13	Cái	40.1973T		Cái/ Gói				
425	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C14	Cái	40.1974		Cái/ Gói				
426	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C14	Cái	40.1974T		Cái/ Gói				
427	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C15	Cái	40.1975		Cái/ Gói				
428	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C15	Cái	40.1975T		Cái/ Gói				
429	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C16	Cái	40.1976		Cái/ Gói				
430	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C16	Cái	40.1976T		Cái/ Gói				
431	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C17	Cái	40.1977		Cái/ Gói				
432	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C17	Cái	40.1977T		Cái/ Gói				
433	ULTRAFINO Clamp 12,5cm C18	Cái	40.1978		Cái/ Gói				
434	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN C18	Cái	40.1978T		Cái/ Gói				
435	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D1	Cái	40.1981		Cái/ Gói				
436	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D1	Cái	40.1981T		Cái/ Gói				
437	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D2	Cái	40.1982		Cái/ Gói				
438	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D2	Cái	40.1982T		Cái/ Gói				
439	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D3	Cái	40.1983		Cái/ Gói				
440	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D3	Cái	40.1983T		Cái/ Gói				
441	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D4	Cái	40.1984		Cái/ Gói				
442	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D4	Cái	40.1984T		Cái/ Gói				
443	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D5	Cái	40.1985		Cái/ Gói				
444	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D5	Cái	40.1985T		Cái/ Gói				
445	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D6	Cái	40.1986		Cái/ Gói				
446	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D6	Cái	40.1986T		Cái/ Gói				
447	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D7	Cái	40.1987		Cái/ Gói				
448	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D7	Cái	40.1987T		Cái/ Gói				
449	ULTRAFINO Clamp 12,5cm D8	Cái	40.1988		Cái/ Gói				
450	ULTRAFINO Clamp 12,5cm TITAN D8	Cái	40.1988T		Cái/ Gói				
451	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14,5 cm # 1	Cái	40.2001		Cái/ Gói				
452	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14,5 cm # 2	Cái	40.2002		Cái/ Gói				
453	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14,5 cm # 3	Cái	40.2003		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
454	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 4	Cái	40.2004		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
455	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 5	Cái	40.2005		Cái/ Gói				
456	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 6	Cái	40.2006		Cái/ Gói				
457	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 7	Cái	40.2007		Cái/ Gói				
458	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 8	Cái	40.2008		Cái/ Gói				
459	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 9	Cái	40.2009		Cái/ Gói				
460	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14,5 cm # 1	Cái	40.2021		Cái/ Gói				
461	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14,5 cm # 2	Cái	40.2022		Cái/ Gói				
462	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14,5 cm # 3	Cái	40.2023		Cái/ Gói				
463	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 4	Cái	40.2024		Cái/ Gói				
464	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 5	Cái	40.2025		Cái/ Gói				
465	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 6		40.2026		Cái/ Gói				
466	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 7	Cái	40.2027		Cái/ Gói				
467	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 8	Cái	40.2028		Cái/ Gói				
468	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13,5 cm # 9	Cái	40.2029		Cái/ Gói				
469	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 1	Cái	40.2041		Cái/ Gói				
470	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 2	Cái	40.2042		Cái/ Gói				
471	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 3	Cái	40.2043		Cái/ Gói				
472	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13 cm # 4	Cái	40.2044		Cái/ Gói				
473	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 5	Cái	40.2045		Cái/ Gói				
474	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13 cm # 6	Cái	40.2046		Cái/ Gói				
475	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13 cm # 7	Cái	40.2047		Cái/ Gói				
476	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 14 cm # 8	Cái	40.2048		Cái/ Gói				
477	DEBAKEY-CASTANEDA Clamp 13 cm # 9	Cái	40.2049		Cái/ Gói				
478	CASTANEDA Neonatal Clamp 13 cm str	Cái	40.2130		Cái/ Gói				
479	CASTANEDA Neonatal Clamp 13 cm 30°	Cái	40.2133		Cái/ Gói				
480	CASTANEDA Neonatal Clamp 12 cm 45°	Cái	40.2135		Cái/ Gói				
481	CASTANEDA Neonatal Clamp 11cm 75°	Cái	40.2137		Cái/ Gói				
482	CASTANEDA Neonatal Clamp 11cm 90°	Cái	40.2139		Cái/ Gói				
483	CASTANEDA Neonatal Clamp 15 cm cvd	Cái	40.2140		Cái/ Gói				
484	CASTANEDA Neonatal Clamp 15 cm cvd	Cái	40.2141		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
485	CASTANEDA Neonatal Clamp 15 cm cvd	Cái	40.2142		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
486	CASTANEDA Neonatal Clamp 12 cm cvd	Cái	40.2145		Cái/ Gói				
487	CASTANEDA Neonatal Clamp 15 cm Fig. K	Cái	40.2146		Cái/ Gói				
488	CASTANEDA Neonatal Clamp 15 cm Fig. L	Cái	40.2147		Cái/ Gói				
489	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 1	Cái	40.2150		Cái/ Gói				
490	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 2	Cái	40.2151		Cái/ Gói				
491	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 3	Cái	40.2152		Cái/ Gói				
492	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 4	Cái	40.2153		Cái/ Gói				
493	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 5	Cái	40.2154		Cái/ Gói				
494	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 6	Cái	40.2155		Cái/ Gói				
495	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 7	Cái	40.2156		Cái/ Gói				
496	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 8	Cái	40.2157		Cái/ Gói				
497	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 9	Cái	40.2158		Cái/ Gói				
498	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 10	Cái	40.2159		Cái/ Gói				
499	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 11	Cái	40.2160		Cái/ Gói				
500	COOLEY-BABY Vascular Clamp 14,5 cm # 12	Cái	40.2161		Cái/ Gói				
501	NEONATAL Vascular Clamp 16,5 cm	Cái	40.2588		Cái/ Gói				
502	NEONATAL Vascular Clamp 16 cm angled	Cái	40.2589		Cái/ Gói				
503	NEONATAL Vascular Clamp 15 cm angled	Cái	40.2590		Cái/ Gói				
504	NEONATAL Vascular Clamp 15 cm	Cái	40.2591		Cái/ Gói				
505	NEONATAL Vascular Clamp 15,5 cm	Cái	40.2592		Cái/ Gói				
506	KARTCHNER Carotid Clamp 16 cm 10 mm DeBakey Extra-Fine	Cái	40.2595		Cái/ Gói				
507	MEHDORN Mini-Vessel Clip 4x1 mm, 10-15gr	Cái	40.6452		Cái/ Gói				
508	MEHDORN Mini-Vessel Clip 4x1,4 mm, 15-20	Cái	40.6454		Cái/ Gói				
509	MEHDORN Mini-Vessel Clip 6x1 mm, 10-15g	Cái	40.6456		Cái/ Gói				
510	MEHDORN Mini-Vessel Clip 6x1,4mm,10-20gr	Cái	40.6458		Cái/ Gói				
511	BIEMER Vessel Clip 4 x 6 mm, 30-40 gr.	Cái	40.6460		Cái/ Gói				
512	BIEMER Vessel Clip 5 x 9 mm, 30-40 gr.	Cái	40.6461		Cái/ Gói				
513	BIEMER Vessel Clip 5 x 9 mm, 20-25 gr.	Cái	40.6462		Cái/ Gói				
514	BIEMER Clip Applicator Forceps 14 cm	Cái	40.6468		Cái/ Gói				
515	BIEMER Clip Applicator Fcps 14 cm w.lock	Cái	40.6469		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
516	MUELLER Ligatureclip str. serr.	Cái	40.6505		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thanh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
517	MUELLER temp. Vesselclips str. closing force 50 gr.	Cái	40.6510		Cái/ Gói				
518	MUELLER temp. Vesselclips cvd. closing force 50 gr.	Cái	40.6511		Cái/ Gói				
519	MUELLER temp. Vesselclips cvd. tips closing force 50 gr.	Cái	40.6512		Cái/ Gói				
520	MUELLER temp. Vesselclips angled closing force 50 gr.	Cái	40.6513		Cái/ Gói				
521	MUELLER temp. Vesselclips 45° angled to side; closing force 50 gr.	Cái	40.6514		Cái/ Gói				
522	MUELLER temp. Vesselclip str. closing force 80 gr	Cái	40.6520		Cái/ Gói				
523	MUELLER temp. Vesselclip cvd. closing force 80 gr.	Cái	40.6521		Cái/ Gói				
524	MUELLER temp. Vesselclip cvd. tips closing force 80 gr.	Cái	40.6522		Cái/ Gói				
525	MUELLER temp. Vesselclip angled closing force 80 gr.	Cái	40.6523		Cái/ Gói				
526	MUELLER temp. Vesselclip 45° angled to side; closing force 80 gr.	Cái	40.6524		Cái/ Gói				
527	Applying Forceps f. small Acland-Clips size 1-3 with lock	Cái	40.9071		Cái/ Gói				
528	Applying Forceps f. small Acland-Clips size 1-3 without lock	Cái	40.9072		Cái/ Gói				
529	Applying Forceps for large clamps w. loc	Cái	40.9073		Cái/ Gói				
530	Applying Forceps for large clamps without lock	Cái	40.9074		Cái/ Gói				
531	ACLAND mod. Vessel Clamp 11 / 0,6-1,4 m for arteries, angled, PAIR	Cái	40.9197A		Cái/ Gói				
532	ACLAND mod. Vessel Clamp 16 / 1,0 -2,2 for arteries, angled, PAIR	Cái	40.9198A		Cái/ Gói				
533	ACLAND mod. Vessel Clamp 11 / 0,6-1,4 m for veins, angled, PAIR	Cái	40.9245V		Cái/ Gói				
534	ACLAND mod. Vessel Clamp 16 / 1,0 -2,2 for veins, angled, PAIR	Cái	40.9246V		Cái/ Gói				
535	ACLAND mod. Vessel Clamp 2,0-5,0 mm f. a PAIR	Cái	40.9286A		Cái/ Gói				
536	ACLAND mod. Vessel Clamp 2,0-5,0 mm f.ve PAIR	Cái	40.9286V		Cái/ Gói				
537	ACLAND mod. Vessel Clamp 8 / 0,3-1,0 mm for arteries, angled, PAIR	Cái	40.9312A		Cái/ Gói				
538	ACLAND mod. Vessel Clamp 8 / 0,3-1,0 mm for veins, angled, PAIR	Cái	40.9312V		Cái/ Gói				
539	ACLAND mod. Vessel Clamp 11 / 0,6-1,4 m for arteries, angled, PAIR; BLACK	Cái	40.9313A		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
540	ACLAND mod. Vessel Clamp 16 / 1,0 -2,2 for arteries, angled, PAIR, BLACK	Cái	40.9314A		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thanh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
541	ACLAND mod. Vessel Clamp 1,5-3,5 mm f. a PAIR	Cái	40.9325A		Cái/ Gói				
542	ACLAND mod. Vessel Clamp 1,5-3,5 mm f.ve PAIR	Cái	40.9325V		Cái/ Gói				
543	ACLAND mod. Vessel Clamp 2,0-5,0 mm f. a PAIR, BLACK	Cái	40.9327A		Cái/ Gói				
544	ACLAND mod. Vessel Clamp 2,0-5,0 mm f.ve PAIR, BLACK	Cái	40.9327V		Cái/ Gói				
545	ACLAND mod. Vessel Clamp 1,5-3,5 mm f. a PAIR, BLACK	Cái	40.9329A		Cái/ Gói				
546	ACLAND mod. Vessel Clamp 1,5-3,5 mm f.ve PAIR, BLACK	Cái	40.9329V		Cái/ Gói				
547	ACLAND mod. Vessel Clamp 8 / 0,3-1,0 mm for arteries, angled, PAIR BLACK	Cái	40.9363A		Cái/ Gói				
548	ACLAND mod. Vessel Clamp 8 / 0,3-1,0 mm for veins, angled, PAIR BLACK	Cái	40.9363V		Cái/ Gói				
549	ACLAND mod. Vessel Clamp 11 / 0,6-1,4 m for veins, angled, PAIR, BLACK	Cái	40.9365V		Cái/ Gói				
550	ACLAND mod. Vessel Clamp 16 / 1,0 -2,2 for veins, angled, PAIR, BLACK	Cái	40.9366V		Cái/ Gói				
551	ACLAND mod. Vessel Clamp 0,4-1,0 mm for veins, PAIR	Cái	40.9396V		Cái/ Gói				
552	ACLAND Vessel Clamp 0,4-1,0 mm f. artery	Cái	40.9397A		Cái/ Gói				
553	ACLAND mod. Vessel Clamp 0,6-1,5 mm f. v PAIR	Cái	40.9398V		Cái/ Gói				
554	ACLAND mod. Vessel Clamp 0,6-1,5 mm f. a PAIR	Cái	40.9399A		Cái/ Gói				
555	ACLAND mod. Vessel Clamp 1,0-2,25 mm f. PAIR	Cái	40.9400V		Cái/ Gói				
556	ACLAND mod. Vessel Clamp 1,0-2,25 mm f.a PAIR	Cái	40.9401A		Cái/ Gói				
557	ACLAND mod. Twin-Clamp 0,4-1,0 mm f.vein with frame	Cái	40.9402V		Cái/ Gói				
558	ACLAND mod. Twin-Clamp 0,4-1,0 mm f.art with frame	Cái	40.9403A		Cái/ Gói				
559	ACLAND mod. Twin-Clamp 0,6-1,5 mm f.vein with frame	Cái	40.9404V		Cái/ Gói				
560	ACLAND mod. Twin-Clamp 0,6-1,5 mm f.art with frame	Cái	40.9405A		Cái/ Gói				
561	ACLAND mod. Twin-Clamp 1,0-2,25 mm f.vei with frame	Cái	40.9406V		Cái/ Gói				
562	ACLAND mod. Twin-Clamp 1,0-2,25 mm f.art with frame	Cái	40.9407A		Cái/ Gói				
563	ACLAND mod. Vessel Clamp 0,4-1,0 mm f. a PAIR, BLACK	Cái	40.9461A		Cái/ Gói				
564	ACLAND mod. Vessel Clamp 0,4-1,0 mm for PAIR, BLACK	Cái	40.9462V		Cái/ Gói				
565	ACLAND mod. Vessel Clamp 0,6-1,5 mm f. a PAIR, BLACK	Cái	40.9463A		Cái/ Gói				
566	ACLAND mod. Vessel Clamp 0,6-1,5 mm f. v PAIR, BLACK	Cái	40.9464V		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
567	ACLAND mod. Vessel Clamp 1,0-2,25 mm f.a PAIR, BLACK	Cái	40.9465A		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
568	ACLAND mod. Vessel Clamp 1,0-2,25 mm f. PAIR, BLACK	Cái	40.9466V		Cái/ Gói				
569	ACLAND mod. Approximator 0,6-1,5 mm f.Ar BLACK	Cái	40.9481A		Cái/ Gói				
570	GLOVER Bulldog Clamp 60 mm str.	Cái	41.0000		Cái/ Gói				
571	GLOVER Bulldog Clamp 55 mm cvd.	Cái	41.0001		Cái/ Gói				
572	GLOVER Bulldog Clamp 70 mm str.	Cái	41.0005		Cái/ Gói				
573	GLOVER Bulldog Clamp 65 mm cvd.	Cái	41.0006		Cái/ Gói				
574	GLOVER Bulldog Clamp 90 mm str.	Cái	41.0010		Cái/ Gói				
575	GLOVER Bulldog Clamp 85 mm cvd.	Cái	41.0011		Cái/ Gói				
576	GLOVER Bulldog Clamp 105 mm str.	Cái	41.0015		Cái/ Gói				
577	GLOVER Bulldog Clamp 100 mm cvd.	Cái	41.0016		Cái/ Gói				
578	GLOVER Bulldog Clamp 55 mm ang.	Cái	41.0019		Cái/ Gói				
579	GREGORY Bulldog Clamp 9 cm str.	Cái	41.0020		Cái/ Gói				
580	GREGORY Bulldog Clamp 10 cm mm cvd.	Cái	41.0021		Cái/ Gói				
581	GREGORY Bulldog Clamp 11 cm str.	Cái	41.0022		Cái/ Gói				
582	GREGORY Bulldog Clamp 11 cm cvd.	Cái	41.0023		Cái/ Gói				
583	GREGORY Bulldog Clamp 11 cm cvd.right	Cái	41.0024		Cái/ Gói				
584	GREGORY Bulldog Clamp 11 cm cvd.left	Cái	41.0025		Cái/ Gói				
585	SANTULLI Bulldog Clamp 7 cm	Cái	41.0028		Cái/ Gói				
586	DIETRICH Bulldog Clamp 50/ 8 mm str	Cái	41.0030		Cái/ Gói				
587	DIETRICH Bulldog Clamp 43/ 8 mm ang	Cái	41.0031		Cái/ Gói				
588	DIETRICH Bulldog Clamp 53/12 mm str	Cái	41.0032		Cái/ Gói				
589	DIETRICH Bulldog Clamp 45/12 mm ang	Cái	41.0033		Cái/ Gói				
590	DIETRICH Bulldog Clamp 60/20 mm str	Cái	41.0034		Cái/ Gói				
591	DIETRICH Bulldog Clamp 50/20 mm ang	Cái	41.0035		Cái/ Gói				
592	DIETRICH Bulldog Clamp 54/20 mm cvd	Cái	41.0037		Cái/ Gói				
593	FEATHERLIGHT Bulldog Clamp str. 31/10mm	Cái	41.0040		Cái/ Gói				
594	FEATHERLIGHT Bulldog Clamp str. 35/14mm	Cái	41.0041		Cái/ Gói				
595	FEATHERLIGHT Bulldog Clamp str. 39/18mm	Cái	41.0042		Cái/ Gói				
596	FEATHERLIGHT Bulldog Clamp ang. 30/10mm	Cái	41.0043		Cái/ Gói				
597	FEATHERLIGHT Bulldog Clamp ang. 33/14mm	Cái	41.0044		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
598	FEATHERLIGHT Bulldog Clamp ang. 36/18mm	Cái	41.0045		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
599	BULLDOG Clip 30/11 mm straight ArteriaTI	Cái	41.0050A		Cái/ Gói				
600	BULLDOG Clip 30/11 mm straight Vena TI	Cái	41.0050V		Cái/ Gói				
601	BULLDOG Clip 30/11 mm sl.cvd. Arteria TI	Cái	41.0051A		Cái/ Gói				
602	BULLDOG Clip 30/11 mm sl.cvd. Vena TI	Cái	41.0051V		Cái/ Gói				
603	BULLDOG Clip 35/15 mm straight ArteriaTI	Cái	41.0052A		Cái/ Gói				
604	BULLDOG Clip 35/15 mm straight Vena TI	Cái	41.0052V		Cái/ Gói				
605	BULLDOG Clip 35/15 mm sl.cvd. Arteria TI	Cái	41.0053A		Cái/ Gói				
606	BULLDOG Clip 35/15 mm sl.cvd. Vena TI	Cái	41.0053V		Cái/ Gói				
607	BULLDOG Clip 40/17 mm straight ArteriaTI	Cái	41.0054A		Cái/ Gói				
608	BULLDOG Clip 40/17 mm straight Vena TI	Cái	41.0054V		Cái/ Gói				
609	BULLDOG Clip 40/17 mm sl.cvd. Arteria TI	Cái	41.0055A		Cái/ Gói				
610	BULLDOG Clip 40/17 mm sl.cvd. Vena TI	Cái	41.0055V		Cái/ Gói				
611	BULLDOG Clip 50/24 mm straight ArteriaTI	Cái	41.0056A		Cái/ Gói				
612	BULLDOG Clip 50/24 mm straight Vena TI	Cái	41.0056V		Cái/ Gói				
613	BULLDOG Clip 50/24 mm sl.cvd. Arteria TI	Cái	41.0057A		Cái/ Gói				
614	BULLDOG Clip 50/24 mm sl.cvd. Vena TI	Cái	41.0057V		Cái/ Gói				
615	BULLDOG Clip 50/24 mm str.cvd. ArteriaTI	Cái	41.0061A		Cái/ Gói				
616	BULLDOG Clip 50/24 mm str.cvd. Vena TI	Cái	41.0061V		Cái/ Gói				
617	BULLDOG Clip 35/15 mm str.cvd. ArteriaTI	Cái	41.0063A		Cái/ Gói				
618	BULLDOG Clip 35/15 mm str.cvd. Vena TI	Cái	41.0063V		Cái/ Gói				
619	BULLDOG Clip 40/17 mm str.cvd.Arteria TI	Cái	41.0065A		Cái/ Gói				
620	BULLDOG Clip 40/17 mm str.cvd.Vena TI	Cái	41.0065V		Cái/ Gói				
621	BULLDOG Clip 50/24 mm str.cvd. ArteriaTI	Cái	41.0067A		Cái/ Gói				
622	BULLDOG Clip 50/24 mm str.cvd. Vena TI	Cái	41.0067V		Cái/ Gói				
623	Applying and removing forceps 23 cm for Titanium-Bulldogclips 41.0050 - 41.0067	Cái	41.0069		Cái/ Gói				
624	WICKHAM Bulldog Clamp 47/10 mm str.	Cái	41.0080		Cái/ Gói				
625	WICKHAM Bulldog Clamp 47/13 mm ang.	Cái	41.0081		Cái/ Gói				
626	WICKHAM Bulldog Clamp 54/18 mm str.	Cái	41.0082		Cái/ Gói				
627	WICKHAM Bulldog Clamp 51/18 mm ang.	Cái	41.0083		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
628	WICKHAM Bulldog Clamp 61/25 mm str.	Cái	41.0084		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
629	WICKHAM Bulldog Clamp 55/25 mm ang.	Cái	41.0085		Cái/ Gói				
630	WICKHAM Applying Fcps. 24 cm	Cái	41.0089		Cái/ Gói				
631	DEBAKEY-MICRO Bulldog Clamp 47/10 mm straight	Cái	41.0090		Cái/ Gói				
632	DEBAKEY-MICRO Bulldog Clamp 44/10 mm angled	Cái	41.0091		Cái/ Gói				
633	DEBAKEY-MICRO Bulldog Clamp 51/14 mm straight	Cái	41.0092		Cái/ Gói				
634	DEBAKEY-MICRO Bulldog Clamp 46/14 mm angled	Cái	41.0093		Cái/ Gói				
635	DEBAKEY-MICRO Bulldog Clamp 57/20 mm straight	Cái	41.0094		Cái/ Gói				
636	DEBAKEY-MICRO Bulldog Clamp 49/20 mm angled	Cái	41.0095		Cái/ Gói				
637	DEBAKEY-MICRO Bulldog Clamp 54/20 mm curved	Cái	41.0099		Cái/ Gói				
638	DEBAKEY Bulldog Clamp 80/20 mm str.	Cái	41.0100		Cái/ Gói				
639	DEBAKEY Bulldog Clamp 75/20 mm cvd	Cái	41.0101		Cái/ Gói				
640	DEBAKEY Bulldog Clamp 90/30 mm str.	Cái	41.0110		Cái/ Gói				
641	DEBAKEY Bulldog Clamp 85/30 mm cvd	Cái	41.0111		Cái/ Gói				
642	DEBAKEY Bulldog Clamp 105/45 mm str	Cái	41.0115		Cái/ Gói				
643	DEBAKEY Bulldog Clamp 95/45 mm cvd	Cái	41.0116		Cái/ Gói				
644	DEBAKEY Bulldog Clamp 125/68 mm str	Cái	41.0120		Cái/ Gói				
645	DEBAKEY Bulldog Clamp 115/68 mm cvd	Cái	41.0121		Cái/ Gói				
646	DEBAKEY Bulldog Clamp 12.5 cm st	Cái	41.0130		Cái/ Gói				
647	DEBAKEY Bulldog Clamp 12.5cm cvd	Cái	41.0132		Cái/ Gói				
648	DEBAKEY Bulldog Clamp 12.5cm 45°	Cái	41.0134		Cái/ Gói				
649	DEBAKEY Bulldog Clamp 10 cm 90°	Cái	41.0136		Cái/ Gói				
650	DEBAKEY Bulldog Clamp 12.5cm S-cvd	Cái	41.0138		Cái/ Gói				
651	DEBAKEY-SATINSKY Bulldog Clamp 55 mm	Cái	41.0140		Cái/ Gói				
652	DEBAKEY Bulldog Clamp 50 mm str.	Cái	41.0141		Cái/ Gói				
653	DEBAKEY Bulldog Clamp 49 mm cvd.	Cái	41.0142		Cái/ Gói				
654	GLOVER Bulldog Clamp 52 mm articulated	Cái	41.0143		Cái/ Gói				
655	DEBAKEY-SATINSKY Bulldog Clamp 65 mm	Cái	41.0144		Cái/ Gói				
656	DEBAKEY-SATINSKY Bulldog Clamp 100 mm	Cái	41.0146		Cái/ Gói				
657	DEBAKEY-CAROTID Bulldog Clamp 90 mm	Cái	41.0147		Cái/ Gói				
658	DEBAKEY-MOSQUITO Forceps 12 cm str	Cái	41.0150		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
659	DEBAKEY-MOSQUITO Forceps cvd.	Cái	41.0151		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
660	DEBAKEY-PEAN Forceps 14 cm str.	Cái	41.0160		Cái/ Gói				
661	DEBAKEY-PEAN Forceps 14 cm cvd.	Cái	41.0161		Cái/ Gói				
662	DEBAKEY-PEAN Forceps 16 cm str.	Cái	41.0162		Cái/ Gói				
663	DEBAKEY-PEAN Forceps 16 cm cvd.	Cái	41.0163		Cái/ Gói				
664	DEBAKEY-PEAN Forceps 18 cm str.	Cái	41.0164		Cái/ Gói				
665	DEBAKEY-PEAN Forceps 18 cm cvd.	Cái	41.0165		Cái/ Gói				
666	DEBAKEY-PEAN Forceps 20 cm str.	Cái	41.0166		Cái/ Gói				
667	DEBAKEY-PEAN Forceps 20 cm cvd.	Cái	41.0167		Cái/ Gói				
668	DEBAKEY Patent-Ductus Clamp 23 cm str.	Cái	41.0200		Cái/ Gói				
669	DEBAKEY Patent-Ductus Clamp 23 cm angled	Cái	41.0203		Cái/ Gói				
670	DEBAKEY Patent-Ductus Clamp 19.5 cm str.	Cái	41.0210		Cái/ Gói				
671	DEBAKEY Patent Ductus Clamp 19.5 cm ang.	Cái	41.0213		Cái/ Gói				
672	DEBAKEY Peripheral Vascular Clamp 18 cm	Cái	41.0235		Cái/ Gói				
673	DEBAKEY Peripheral Vascular Clamp 26,5cm	Cái	41.0237		Cái/ Gói				
674	DEBAKEY Peripheral Vascular Clamp 20 cm	Cái	41.0240		Cái/ Gói				
675	DEBAKEY Aorta Exclusion Clamp 20 cm	Cái	41.0245		Cái/ Gói				
676	DEBAKEY Peripheral Vascular Clamp 15	Cái	41.0250		Cái/ Gói				
677	DEBAKEY-BAINBRIDGE Multip. Cl. 17cm str.	Cái	41.0260		Cái/ Gói				
678	DEBAKEY-BAINBRIDGE Multip. Cl. 18,5 cm	Cái	41.0262		Cái/ Gói				
679	DEBAKEY-BAINBRIDGE Multip. Cl. 17 cm cvd	Cái	41.0265		Cái/ Gói				
680	DEBAKEY-BAINBRIDGE Multip. Cl. 18,5 cm	Cái	41.0267		Cái/ Gói				
681	DEBAKEY Renal Artery Clamp 20 cm	Cái	41.0270		Cái/ Gói				
682	LELAND-JONES Periph. Vasc. Clamp 19,5cm	Cái	41.0290		Cái/ Gói				
683	LELAND-JONES Peripheral Vascular Clamp 19 cm, 15°	Cái	41.0291		Cái/ Gói				
684	LELAND-JONES Peripheral Vascular Clamp 19,0 cm 30°	Cái	41.0292		Cái/ Gói				
685	DEBAKEY-OCHSNER Aortic Clamp 23 cm	Cái	41.0317		Cái/ Gói				
686	DEBAKEY-DIETRICH Aortic Clamp 21 cm	Cái	41.0319		Cái/ Gói				
687	DEBAKEY-DALE Peripheal Clamp 18,5 cm	Cái	41.0340		Cái/ Gói				
688	DEBAKEY-DALE Peripheal Clamp 17 cm	Cái	41.0341		Cái/ Gói				
689	DEBAKEY-DALE Peripheal Clamp 17,5 cm	Cái	41.0342		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
690	DEBAKEY-DALE Peripheal Clamp 18,5 cm	Cái	41.0343		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
691	DEBAKEY-GREGORY Profunda Clamp 14 cm	Cái	41.0345		Cái/ Gói				
692	DEBAKEY-GREGORY Profunda Clamp 16 cm	Cái	41.0346		Cái/ Gói				
693	DEBAKEY-GREGORY Profunda Clamp 18 cm	Cái	41.0347		Cái/ Gói				
694	WYLIE Vascular Cl. 16cm shanks cur.down	Cái	41.0350		Cái/ Gói				
695	WYLIE Vascular Cl. 19cm shanks cur.down	Cái	41.0352		Cái/ Gói				
696	WYLIE Vascular Cl. 17cm shanks cur.up	Cái	41.0355		Cái/ Gói				
697	WYLIE Vascular Cl. 20cm shanks cur.up	Cái	41.0357		Cái/ Gói				
698	DEBAKEY-RUMEL Ligature Clamp 25 cm shallow curve	Cái	41.0486		Cái/ Gói				
699	DEBAKEY-RUMEL Ligature Clamp 24 cm strong curve	Cái	41.0487		Cái/ Gói				
700	DEBAKEY-MC QUIGG-MIXTER Diss.Clamp 21 cm	Cái	41.0496		Cái/ Gói				
701	DEBAKEY-MIXTER Dissecting Clamp 28,5 cm strong curve	Cái	41.0497		Cái/ Gói				
702	DEBAKEY Aortic Aneurysm Clamp 25,5 cm	Cái	41.0600		Cái/ Gói				
703	DEBAKEY Aortic Aneurysm Clamp 26,5 cm	Cái	41.0602		Cái/ Gói				
704	DEBAKEY Aortic Aneurysm Clamp 31 cm	Cái	41.0605		Cái/ Gói				
705	DEBAKEY Aortic Aneurysm Clamp 34 cm	Cái	41.0607		Cái/ Gói				
706	DEBAKEY Aortic Aneurysm Clamp 31,5 cm	Cái	41.0610		Cái/ Gói				
707	DEBAKEY Aortic Aneurysm Clamp 28 cm	Cái	41.0620		Cái/ Gói				
708	DEBAKEY-BAHNSON Aorta Clamp 24 cm	Cái	41.0630		Cái/ Gói				
709	DEBAKEY-BAHNSON Aorta Clamp 26 cm	Cái	41.0631		Cái/ Gói				
710	DEBAKEY-BAHNSON Aorta Clamp 26,5 cm	Cái	41.0632		Cái/ Gói				
711	DEBAKEY Aorta Clamp 26,5 cm	Cái	41.0635		Cái/ Gói				
712	DEBAKEY Ligature Carrier 26 cm	Cái	41.0640		Cái/ Gói				
713	WEBER Aorta Clamp cvd. left 26 cm	Cái	41.0642		Cái/ Gói				
714	WEBER Aorta Clamp cvd. right 26 cm	Cái	41.0643		Cái/ Gói				
715	DIETHRICH Aorta Clamp 21 cm	Cái	41.0645		Cái/ Gói				
716	SUBRAMANIAN Anastomosis Cl.15,5 cm	Cái	41.0647		Cái/ Gói				
717	CALNE Vena-Cava inferior Clamp 27 cm	Cái	41.0649		Cái/ Gói				
718	DEBAKEY Aorta Clamp 26 cm	Cái	41.0650		Cái/ Gói				
719	LEMOLE Aortic Clamp 4,1x1, 6 cm straight	Cái	41.0651		Cái/ Gói				
720	LEMOLE Aortic Clamp 4,1x1, 6 cm angled 20,5 cm	Cái	41.0652		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
721	LEMOLE Aortic Clamp 4,5x2,3 cm angled 20,5 cm	Cái	41.0654		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thanh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
722	WYLIE Aortic Clamp 23 cm	Cái	41.0655		Cái/ Gói				
723	WYLIE Aortic Clamp 22 cm	Cái	41.0656		Cái/ Gói				
724	LAMBERT-KAY Aorta Clamp 21 cm	Cái	41.0657		Cái/ Gói				
725	LAMBERT-KAY Aorta Clamp 21	Cái	41.0658		Cái/ Gói				
726	DEBAKEY-LAMBERTAorta Clamp 26 cm	Cái	41.0659		Cái/ Gói				
727	SATINSKY Tangential Occlusion Cl. 20 cm	Cái	41.0660		Cái/ Gói				
728	SATINSKY Tangential Occlusion Cl. 24 cm	Cái	41.0662		Cái/ Gói				
729	SATINSKY Tangential Occlusion Cl. 25 cm	Cái	41.0664		Cái/ Gói				
730	SATINSKY Tangential Occlusion Cl. 26 cm	Cái	41.0666		Cái/ Gói				
731	SATINSKY Tangential Occlusion Cl. 27 cm	Cái	41.0668		Cái/ Gói				
732	SATINSKY Tangential Occlusion Clamps Set of 5	Cái	41.0670		Cái/ Gói				
733	DEBAKEY Multipurpose Clamp 25cm 40mm 60	Cái	41.0680		Cái/ Gói				
734	DEBAKEY Multipurpose Clamp 21cm 50mm 60°	Cái	41.0682		Cái/ Gói				
735	DEBAKEY Multipurpose Clamp 24cm 65mm 60°	Cái	41.0684		Cái/ Gói				
736	DEBAKEY Multipurpose Clamp 31cm 100mm 60	Cái	41.0686		Cái/ Gói				
737	DEBAKEY Multipurpose Clamp 23cm40/ 90°	Cái	41.0690		Cái/ Gói				
738	DEBAKEY Multipurpose Clamp 18cm50mm 90°	Cái	41.0692		Cái/ Gói				
739	DEBAKEY Multipurpose Clamp 21cm65mm 90°	Cái	41.0694		Cái/ Gói				
740	DEBAKEY Multipurpose Clamp 28cm,100mm,90	Cái	41.0696		Cái/ Gói				
741	DEBAKEY-MORRIS Aorta Clamp 20 cm	Cái	41.0700		Cái/ Gói				
742	DEBAKEY-MORRIS Aorta Clamp 26 cm	Cái	41.0701		Cái/ Gói				
743	DEBAKEY-BAILEY Aorta Clamp 20,5cm 30x8mm jaws, angled shanks	Cái	41.0724		Cái/ Gói				
744	DEBAKEY-SATINSKY Vena-Cava Clamp 23,5 cm	Cái	41.0825		Cái/ Gói				
745	DEBAKEY-SATINSKY Vena-Cava Clamp 24 cm	Cái	41.0826		Cái/ Gói				
746	DEBAKEY-SATINSKY Vena-Cava Clamp 24,5 cm	Cái	41.0827		Cái/ Gói				
747	DEBAKEY-SATINSKY Vena-Cava Clamps consisting of:	Cái	41.0828		Cái/ Gói				
748	DEBAKEY-HARKEN Thhorax & Auricle Clamp 24cm, # 1	Cái	41.0831		Cái/ Gói				
749	DEBAKEY-HARKEN Thhorax & Auricle Clamp 24cm, # 2	Cái	41.0832		Cái/ Gói				
750	DEBAKEY-HARKEN Thorax & Auricle Clamp 24cm, # 3	Cái	41.0833		Cái/ Gói				
751	DEBAKEY-HARKEN Thorax & Auricle Clamp 24 cm, # 4	Cái	41.0834		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
752	DEBAKEY-BECK Vena-Cava Clamp 19,5 cm	Cái	41.0886		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
753	DEBAKEY-BECK Vena-Cava Clamp 21 cm	Cái	41.0887		Cái/ Gói				
754	GLOVER Vena-Cava Clamp 20,5 cm str.	Cái	41.0910		Cái/ Gói				
755	GLOVER Patent Ductus Clamp 20,5 cm cvd.	Cái	41.0911		Cái/ Gói				
756	GLOVER Patent Ductus Clamp 21 cm angled	Cái	41.0912		Cái/ Gói				
757	GLOVER Patent Ductus Clamp 22 cm angled	Cái	41.0913		Cái/ Gói				
758	GLOVER Vena-Cava Clamp 22 cm str	Cái	41.0915		Cái/ Gói				
759	GLOVER Patent Ductus Clamp 22 cm cvd	Cái	41.0916		Cái/ Gói				
760	GLOVER Vena-Cava Clamp 26 cm str.	Cái	41.0917		Cái/ Gói				
761	GLOVER Patent Ductus Clamp 25,5 cm cvd.	Cái	41.0918		Cái/ Gói				
762	GLOVER Anastomosis Clamp 21 cm slcvd	Cái	41.0930		Cái/ Gói				
763	GLOVER Anastomosis Clamp 25 cm cvd.	Cái	41.0932		Cái/ Gói				
764	GLOVER Anastomosis Clamp 18,5 cm	Cái	41.0940		Cái/ Gói				
765	GLOVER Anastomosis Clamp 22 cm	Cái	41.0942		Cái/ Gói				
766	GLOVER Anastomosis Clamp 21 cm spoon	Cái	41.0945		Cái/ Gói				
767	GLOVER Anastomosis Clamp 26 cm spoon	Cái	41.0947		Cái/ Gói				
768	DEBAKEY Multipurpose Clamp 21,5 cm str.	Cái	41.1160		Cái/ Gói				
769	DEBAKEY Multipurpose Clamp 21,5 cm cvd.	Cái	41.1161		Cái/ Gói				
770	DEBAKEY Multipurpose Clamp 23 cm str.	Cái	41.1162		Cái/ Gói				
771	DEBAKEY Multipurpose Clamp 23 cm cvd.	Cái	41.1163		Cái/ Gói				
772	DEBAKEY Multipurpose Clamp 27 cm str.	Cái	41.1164		Cái/ Gói				
773	DEBAKEY Coarctation Clamp 27 cm cvd.	Cái	41.1165		Cái/ Gói				
774	DEBAKEY Multipurpose Clamp 31,5 cm str.	Cái	41.1166		Cái/ Gói				
775	DEBAKEY Multipurpose Clamp 31,5 cm cvd.	Cái	41.1167		Cái/ Gói				
776	DEBAKEY Thoracic Dissecting Forceps 19cm	Cái	41.1360		Cái/ Gói				
777	DEBAKEY Thoracic Dissecting Forceps 23cm	Cái	41.1363		Cái/ Gói				
778	LEES Bronchus CLamp 23 cm 90°	Cái	41.1370		Cái/ Gói				
779	LEES Bronchus Clamp 25 cm	Cái	41.1372		Cái/ Gói				
780	DEBAKEY Multipurpose Clamp 17 cm	Cái	41.1522		Cái/ Gói				
781	DEBAKEY Multipurpose Clamp 16,5cm	Cái	41.1523		Cái/ Gói				
782	DEBAKEY-GLOVER Multipurpose Clamp 17 cm spoonshaped	Cái	41.1524		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHUNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
783	DEBAKEY Ligature Clamp 17 cm # 1	Cái	41.1529		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
784	DEBAKEY Ligature Clamp 17 cm # 2	Cái	41.1530		Cái/ Gói				
785	DEBAKEY Multipurpose Clamp 16,0 cm 30°	Cái	41.1535		Cái/ Gói				
786	DEBAKEY Multipurpose Clamp 15,5 cm 60°	Cái	41.1537		Cái/ Gói				
787	DEBAKEY Multipurpose Clamp 14,0 cm 90°	Cái	41.1539		Cái/ Gói				
788	DEBAKEY-BECK Anastomosis Clamp 16 cm	Cái	41.1550		Cái/ Gói				
789	DEBAKEY-GLOVER Anastomosis Clamp 17cm	Cái	41.1555		Cái/ Gói				
790	DEBAKEY paediatric partial occl. clamp 16,5 cm, jaws 25mm	Cái	41.1558		Cái/ Gói				
791	DEBAKEY-DERRA paediatric partial occl. clamp, Deep, x-long, medium, 16cm,	Cái	41.1560		Cái/ Gói				
792	DEBAKEY-DERRA Anastomosis Clamp 17 cm	Cái	41.1565		Cái/ Gói				
793	DEBAKEY-DERRA Anastomosis Clamp 17 cm	Cái	41.1566		Cái/ Gói				
794	DEBAKEY-DERRA Anastomosis Clamp 17 cm	Cái	41.1567		Cái/ Gói				
795	HENLY Subclavian hemostatic clamp 20 cm	Cái	41.1571		Cái/ Gói				
796	DEBAKEY-REYNOLDS Anast. Cl. small 19 cm, 2,5cm/2,8 mm 50°	Cái	41.1580		Cái/ Gói				
797	DEBAKEY-REYNOLDS Anast. Cl. large 50° 19 cm, 3 cm/2,8mm 50°	Cái	41.1581		Cái/ Gói				
798	DEBAKEY-REYNOLDS Anast. Cl. small 17 cm, 3 cm/2,8 mm 85°	Cái	41.1585		Cái/ Gói				
799	DEBAKEY-REYNOLDS Anast. Cl. large 17 cm, 3,5 cm/2,8 mm 85°	Cái	41.1586		Cái/ Gói				
800	DEBAKEY-BECK Vascular Clamp 15 cm # 1	Cái	41.1590		Cái/ Gói				
801	DEBAKEY-BECK Vascular Clamp 15 cm # 2	Cái	41.1591		Cái/ Gói				
802	DEBAKEY Anastomosis Clamp 17 cm	Cái	41.1593		Cái/ Gói				
803	ZANGER Abdom. vascular Clamp 21,5 cm	Cái	41.1654		Cái/ Gói				
804	ZANGER Abdom. vascular Clamp 25 cm	Cái	41.1655		Cái/ Gói				
805	ZANGER Abdom. vascular Clamp 30,5 cm	Cái	41.1656		Cái/ Gói				
806	WYLIE Hypogastric Clamp 27 cm	Cái	41.1657		Cái/ Gói				
807	WYLIE Hypogastric Clamp 26 cm	Cái	41.1658		Cái/ Gói				
808	BARRET Tenaculum Forceps 18 cm	Cái	55.0930		Cái/ Gói				
809	STAUDE-MOORE Tenaculum Forceps 17 cm	Cái	55.0932		Cái/ Gói				
810	BRAUN Tenaculum Forceps 16 cm	Cái	55.0933		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
811	BRAUN Tenaculum Forceps 25 cm	Cái	55.0934		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gäsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
812	CZERNY Tumor Forceps 21 cm	Cái	55.0936		Cái/ Gói				
813	ADAIR Tenaculum Forceps 16 cm	Cái	55.0937		Cái/ Gói				
814	ADAIR Tenaculum Forceps 19 cm	Cái	55.0938		Cái/ Gói				
815	SCHROEDER Tenaculum Forceps 25 m	Cái	55.0940		Cái/ Gói				
816	POZZI Tenaculum Forceps 25cm smooth	Cái	55.0942		Cái/ Gói				
817	POZZI-PALMER Tenaculum Forceps 25cm sh very delicate	Cái	55.0943		Cái/ Gói				
818	POZZI Tenaculum Forceps 25cm sharp	Cái	55.0944		Cái/ Gói				
819	JARCHO Tenaculum Forceps 20 cm S-curved	Cái	55.0945		Cái/ Gói				
820	DUPLAY Tenaculum Forceps 28 cm	Cái	55.0947		Cái/ Gói				
821	HULKA Tenaculum Forceps 29 cm	Cái	55.0948		Cái/ Gói				
822	HULKA-KENWICK Tenaculum Forceps 29 cm	Cái	55.0949		Cái/ Gói				
823	SKENE Tenaculum Forceps 24 cm	Cái	55.0951		Cái/ Gói				
824	TIEMANN Bullet Forceps 22 cm	Cái	55.0956		Cái/ Gói				
825	SCHROEDER Vulsellum Forceps 24 cm 2x2 st	Cái	55.0962		Cái/ Gói				
826	SCHROEDER Vulsellum Forceps 2x2 cvd.	Cái	55.0963		Cái/ Gói				
827	HENROTIN Vulsellum Forceps 21 cm 2x3	Cái	55.0965		Cái/ Gói				
828	PRATT Tumor Forceps 26,5 cm	Cái	55.0966		Cái/ Gói				
829	PRATT (Billroth) Tumor Forceps 28 cm	Cái	55.0968		Cái/ Gói				
830	JACOBS Vulsellum Forceps 21cm str	Cái	55.0970		Cái/ Gói				
831	JACOBS Vulsellum Forceps 21cm cvd	Cái	55.0971		Cái/ Gói				
832	TEALE Vulsellum Forceps 18cm 3x4	Cái	55.0973		Cái/ Gói				
833	TEALE Vulsellum Forceps 23cm 3x4	Cái	55.0975		Cái/ Gói				
834	KÜSTNER Vulsellum Forceps 25 cm 2x3	Cái	55.0977		Cái/ Gói				
835	MUSEUX Vulsellum Forceps 24 cm 6 mm str	Cái	55.0980		Cái/ Gói				
836	MUSEUX Vulsellum Forceps 24 cm 6 mm cvd	Cái	55.0981		Cái/ Gói				
837	MUSEUX Vulsellum Forceps 24 cm 8 mm str	Cái	55.0982		Cái/ Gói				
838	MUSEUX Vulsellum Forceps 24 cm 8 mm cvd	Cái	55.0983		Cái/ Gói				
839	MUSEUX Vulsellum Forceps 24 cm 10 mm st	Cái	55.0984		Cái/ Gói				
840	IUD Manipulator Forceps Ø 3 mm rigid	Cái	55.0990		Cái/ Gói				
841	IUD Manipulator & Sponge Forceps flexible 22 cm, Ø 3 mm	Cái	55.0991		Cái/ Gói				

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
842	IUD Manipulator & Sponge Forceps flexible 28 cm, Ø 3 mm	Cái	55.0992		Cái/ Gói	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	PROMED INSTRUMENTE GMBH Gänsäcker 9, 78532 Tuttlingen . Đức	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế SAO MAI	156/38 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
843	GREEN-ARMYTAGE Uterine Hemost. Fcps.21cm	Cái	56.0800		Cái/ Gói				
844	GREEN-ARMYTAGE Uterine Hemost. Fcps.20cm angled	Cái	56.0801		Cái/ Gói				